

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2023/KDTM- ST

Ngày 19/7/2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Dhiệu Hmok và ông Bùi Ngọc Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2023, tại Phòng xét xử, trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2023/TLST-KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 13/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH M

Địa chỉ trụ sở: L5-05.OT05 Toà L, V.C.P tại 720A đường D, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông T.T.T

Đại diện theo uỷ quyền: Ông T.H.H; Địa chỉ: Tổ 3, phường N, TP G, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

- Bị đơn: Đại Lý Y.Đ Đại diện: Bà T.T.K.Y; Địa chỉ: Thôn B, xã B.T, thị xã B, Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông T.H.H trình bày có nội dung:

Trong năm 2018, công ty TNHH M đã giao hàng 03 lần cho đại lý Y.Đ với tổng tiền hàng là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), cụ thể:

Ngày 10/7/2018 công ty TNHH M bán cho đại lý Y.Đ 10 tấn phân NPK với giá 86.000.000 đồng (tám mươi sáu triệu đồng). Ngày 11/5/2018 công ty TNHH M bán cho đại lý Y.Đ 5 tấn NPK 22126 có giá trị là 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng). Ngày 11/5/2018 công ty TNHH M bán cho đại lý Y.Đ 5 tấn NPK 17717 có giá trị là 43.000.000 đồng (bốn mươi ba triệu đồng).

Đại lý Y.Đ đã thanh toán 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền hàng, cụ thể: Vào ngày 14/12/2018, Đại lý Y.Đ thanh toán 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Ngày 20/12/2018, Đại lý Y.Đ thanh toán 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Ngày 29/3/2019, Đại lý Y.Đ thanh toán 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Hiện nay Đại lý Y.Đ còn nợ công ty TNHH M 75.000.000 đồng. Nhưng đến nay Đại lý Y.Đ chưa thanh toán cho công ty số tiền còn lại.

Nay tôi yêu cầu đại lý Y.Đ (Đại diện bà T.T.K.Y) có nghĩa vụ thanh toán số tiền hàng còn lại cho công ty tôi là 100.479.452 đồng (Một trăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng), nợ lãi phát sinh tính từ ngày 29/3/2019 đến 20/8/2022 là 25.479.452 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

- Đại diện bị đơn bà T.T.K.Y chủ đại lý Y.Đ đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Toà án không tiến hành lấy lời khai, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hoà giải với bị đơn bà T.T.K.Y chủ đại lý Y.Đ được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án, vi phạm các Điều 70, 72 BLTTDS. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc đại lý Y.Đ (đại diện theo pháp luật bà T.T.K.Y) phải trả cho Công ty TNHH M tổng số tiền là 100.479.452 đồng (Một trăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng), nợ lãi phát sinh tính từ ngày 29/3/2019 đến 20/8/2022 là 25.479.452 đồng (Hai mươi lăm, triệu bốn trăm bảy mươi, chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy bị đại lý Y.Đ (đại diện theo pháp luật bà T.T.K.Y) đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn đại lý Y.Đ (đại diện theo pháp luật bà T.T.K.Y) là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 22/01/2010 hộ kinh doanh T.T.K.Y được cấp giấy chứng nhận kinh doanh số 40O8000558, đại diện hộ kinh doanh là bà T.T.K.Y, do có mối quan hệ làm ăn nên giữa bà Y (đại lý Y.Đ) và Công ty TNHH M có ký hợp đồng mua bán phân bón, như sau: Trong năm 2018, công ty TNHH M đã giao hàng 03 lần cho đại lý Y.Đ với tổng tiền hàng là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*), cụ thể: Ngày 10/7/2018 công ty TNHH M bán cho đại lý Y.Đ 10 tấn phân NPK với giá 86.000.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu đồng*). Ngày 11/5/2018 công ty TNHH M bán cho đại lý Y.Đ 5 tấn NPK 22126 có giá trị là 46.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu đồng*). Ngày 11/5/2018 công ty TNHH M bán cho đại lý Y.Đ 5 tấn NPK 17717 có giá trị là 43.000.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu đồng*). Đại lý Y.Đ đã thanh toán 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) tiền hàng, cụ thể: Vào ngày 14/12/2018, Đại lý Y.Đ thanh toán 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Ngày 20/12/2018, Đại lý Y.Đ thanh toán 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Ngày 29/3/2019, Đại lý Y.Đ thanh toán 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Hiện nay Đại lý Y.Đ còn nợ công ty TNHH M là 100.479.452 đồng (*Một trăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*), nợ lãi phát sinh tính từ ngày 29/3/2019 đến 20/8/2022 là 25.479.452 đồng (*hai mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng*).

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của bà T.T.K.Y trong “Biên bản đối chiếu và xác định công nợ”.

Tại Kết luận giám định số 268/KL-KTHS, ngày 14/3/2023 phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên T.T.K.Y dưới mục “Biên bản đối chiếu và xác định công nợ” tính đến ngày 14 tháng 6 năm 2022” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên T.T.K.Y trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết ra.

Đại lý Y.Đ (đại diện theo pháp luật bà T.T.K.Y) đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết và vi phạm thời hạn thanh toán nợ đã ký với Công ty TNHH M. Nay Công ty TNHH M yêu cầu Đại lý Y.Đ (đại diện theo pháp luật bà T.T.K.Y) phải trả cho Công ty TNHH M số tiền 100.479.452 đồng (*Một trăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*), nợ lãi phát sinh tính từ ngày 29/3/2019 đến 20/8/2022 là 25.479.452 đồng (*hai mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng*). Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ và phù hợp với các Điều 430; 431; 433; 434; 440; 357 của Bộ luật Dân sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên cần chấp nhận.

[4] Về chi phí giám định: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH M yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà T.T.K.Y và đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 6.000.000 đồng, đã chi phí cho việc giám định hết 5.840.000 đồng. Còn lại 160.000 đồng Toà án đã trả lại Công ty TNHH M. Kết quả giám định kết luận chứng minh yêu cầu của Công ty TNHH M là có căn cứ nên Công ty TNHH M không phải chịu tiền chi phí giám định. Đại lý Y.Đ (đại diện theo pháp luật bà T.T.K.Y) phải chịu 5.840.000 đồng tiền chi phí giám định. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH M số tiền 5.840.000 đồng sau khi thu được từ bị đơn Đại lý Y.Đ là phù hợp với các Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn Đại lý Y.Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; Điều 161; Điều 162; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 24; 50; 55 Luật Thương Mại.

Căn cứ các Điều 430; 431; 433; 434; 440; 357; 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M: Buộc Đại lý Y.Đ (đại diện theo pháp luật bà T.T.K.Y) phải trả cho Công ty TNHH M tổng số tiền là 100.479.452 đồng (*Một trăm triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng*), trong đó nợ gốc là 75.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu đồng*), nợ lãi phát sinh tính từ ngày 29/3/2019 đến 20/8/2022 là 25.479.452 đồng (*hai mươi lăm, triệu bốn trăm bảy mươi, chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

2. Về chi phí giám định: Đại lý Y.Đ (đại diện theo pháp luật bà T.T.K.Y) phải chịu 5.840.000 đồng tiền chi phí giám định. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH M số tiền 5.840.000 đồng sau khi thu được từ bị đơn Đại lý Y.Đ.

Về án phí: Đại lý Y.Đ phải chịu 5.023.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.512.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0018270 ngày 03/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đinh Thị Hường

